Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9027.30.00

Mã HS	9027.30.00
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ và thiết bị phân tích lý hoặc hóa học (ví dụ, máy đo phân cực, đo khúc xạ, quang phổ kế, máy phân tích khí hoặc khói); dụng cụ và thiết bị đo hoặc kiểm tra độ nhớt, độ xốp, độ giãn nở, sức căng bề mặt hoặc các loại tương tự; dụng cụ và thiết bị đo hoặc kiểm tra nhiệt lượng, âm lượng hoặc ánh sáng (kể cả máy đo độ phơi sáng); thiết bị vi phẫu / - Quang phổ kế, ảnh phổ và quang phổ ký sử dụng bức xạ quang học (tia cực tím, tia có thể nhìn thấy được, tia hồng ngoại)
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	09/11/2026 09:11:28
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/90273000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18172
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18172
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18172
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17495
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17424
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17424
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17424
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17424
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17424
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17424
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17480
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17480
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17480
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17480

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17480
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17480
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17481
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17481
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17481
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17481
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17481
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17481
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17486
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17442
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17438
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17438
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17438
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17438
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17438
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17438
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17484
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17484
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17484
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17484
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17484
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17484
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17546
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17546
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17546
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17546

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17546
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17546
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17522
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17522
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17522
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17522
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17522
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17522
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17517
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17517
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17517
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17517
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17517
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17517
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17547
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17547
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17547
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17547
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17547
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17547
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17546
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17546
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17546
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17546
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17546
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17546

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17640
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17640
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17640
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17640
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17640
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17640
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17640
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17509
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17509
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17509
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17509
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17509
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17509
RCEP B	2022	2022	0	B!D17509
RCEP B	2023	2023	0	B!E17509
RCEP B	2024	2024	0	B!F17509
RCEP B	2025	2025	0	B!G17509
RCEP B	2026	2026	0	B!H17509
RCEP B	2027	2027	0	B!I17509
RCEP C	2022	2022	0	C!D17507
RCEP C	2023	2023	0	C!E17507
RCEP C	2024	2024	0	C!F17507
RCEP C	2025	2025	0	C!G17507
RCEP C	2026	2026	0	C!H17507
RCEP C	2027	2027	0	C!I17507
RCEP D	2022	2022	0	D!D17506

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17506
RCEP D	2024	2024	0	D!F17506
RCEP D	2025	2025	0	D!G17506
RCEP D	2026	2026	0	D!H17506
RCEP D	2027	2027	0	D!I17506
RCEP E	2022	2022	0	E!D17510
RCEP E	2023	2023	0	E!E17510
RCEP E	2024	2024	0	E!F17510
RCEP E	2025	2025	0	E!G17510
RCEP E	2026	2026	0	E!H17510
RCEP E	2027	2027	0	E!I17510
RCEP F	2022	2022	0	F!D17509
RCEP F	2023	2023	0	F!E17509
RCEP F	2024	2024	0	F!F17509
RCEP F	2025	2025	0	F!G17509
RCEP F	2026	2026	0	F!H17509
RCEP F	2027	2027	0	F!I17509
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16414
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16414
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16414
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16414

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9027.30.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9027.30.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9027.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9027.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18172), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.